TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 540/2025/DS-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trung Hiếu -Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1068/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S**

Địa chỉ trụ sở chính: phường V, Quận 3 (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q**; Địa chỉ trụ sở chính: phường V, Quận B (nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-Pl ngày 12/10/2022)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty SBA: Ông **Lê Ngọc T** (Tổng giám đốc).

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty SBA: Ông **Trần Gia T**, sinh năm: 1971. Địa chỉ: phường V, Quận B(nay là phường X), Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 7634/2024/UQ-TGĐ ngày 07/11/2024)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Chung cư H, ấp X (ấp B cũ), xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2024 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 13/8/2020 bà Nguyễn Thị Kim C có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà C, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín tụng, bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 154.204.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 129.074.004 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 23/10/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 31.628.016 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà C, yêu cầu bà C có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà C trả nợ nhưng bà C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo

vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/9/2025 là 70.018.368 đồng (Bảy mươi triệu, không trăm mười tám nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 31.628.016 đồng.

- Lãi quá hạn: 38.390.352 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ đề nghị cấp thẻ tín dụng nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C có nơi cư trú tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Vụ án thuộc trường hợp Tòa án không thu thập chứng cứ nên không có sự tham gia của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: *"Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án*

tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”.

[4] Tại đơn khởi kiện Ngân hàng thương mại cổ phần S đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bà Nguyễn Thị Kim C theo địa chỉ bà C đã cung cấp tại hợp đồng bằng văn bản là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/8/2020, được Ngân hàng duyệt ngày 13/8/2020. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định chung.

[5] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Gia T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Kim C nhưng bà C vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử. Điều này cho thấy bà C đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn và từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[7] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2020 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[8] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908 đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41 ngày 26/12/2022 thì Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Nội dung tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/8/2020 về việc đề nghị cấp tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[9] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[10] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/8/2020, được Ngân hàng duyệt hạn mức ngày 13/8/2020 thể hiện bà Nguyễn Thị Kim C được

Ngân hàng duyệt hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, số thẻ được cấp: 472074-6869. Tại bản Tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp thể hiện trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 154.204.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 129.074.004 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng của bà C là vào ngày 22/7/2021, sau đó bà C không tiếp tục thanh toán nợ thẻ cho Ngân hàng. Do bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nên từ ngày 23/10/2021 Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với dư nợ gốc là 31.628.016 đồng và áp dụng lãi suất quá hạn (2,55%/tháng) là phù hợp với quy định tại Điều 2, 13, 18 và Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[11] Tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ thông báo giao dịch tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng và Ngân hàng áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ. Nhận thấy, bà C là bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà C thanh toán nợ gốc và lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 19/9/2025 tổng cộng là 70.018.368 đồng, trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 31.628.016 đồng.

- Lãi quá hạn: 38.390.352 đồng.

[12] Về yêu cầu bà C có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 20/9/2025 cho đến khi bà C trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Xét yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[14] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.918 đồng.

[15] Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào các Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Kim C về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 19/9/2025 phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/8/2020 (được duyệt ngày 13/8/2020) tổng cộng là 70.018.368 đồng (Bảy mươi triệu, không trăm mười tám nghìn, ba trăm sáu mươi tám đồng), trong đó bao gồm:

- Nợ gốc: 31.628.016 đồng.

- Lãi quá hạn: 38.390.352 đồng.

Kể từ ngày 20/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 01/8/2020 (được duyệt ngày 13/8/2020) (bao gồm Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S).

Các bên thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.918 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn, chín trăm mười tám đồng).

2.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.531.354 đồng (Một triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00051467 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 10, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

2 000016 452204

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Tuyền